



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 17-09-2026 09:39:15 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT
Số: **54**/2026/VBHN-NĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày **15** tháng 9 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với
sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại
ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng**

Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025;

2. Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025;

3. Nghị định số 338/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,¹

¹ Nghị định số 52/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, nghỉ theo chế độ bệnh binh; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận, sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; quy đổi thời gian để hưởng chế độ trợ cấp một lần, quy định tại các Điều 34, 36 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 và các khoản 11, 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.”

Nghị định số 209/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng”.

Nghị định số 338/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 52/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.”

điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây gọi chung là Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam).

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu

1. Sĩ quan nghỉ hưu quy định tại Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2.² Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật, được quy định như sau:

a) Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ); sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí, sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

b) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

c) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu trước hạn tuổi được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

d) Ngoài chế độ được hưởng quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

Sĩ quan có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;

Sĩ quan có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương.

3.³ Sĩ quan khi có quyết định nghỉ hưu, nếu đã được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương được 2/3 thời hạn trở lên và được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương (trừ trường hợp thăng quân hàm cấp tướng)

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành

1. Sĩ quan chuyển ngành được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) được hưởng quyền lợi như sau:

a) Được ưu tiên bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ; được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết phù hợp với công việc đảm nhiệm;

b) Được miễn thi tuyển, nếu chuyển ngành về cơ quan, đơn vị cũ hoặc chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c)⁴ Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thi tuyển;

d)⁵ Sĩ quan được xếp và hưởng lương theo vị trí việc làm mới, công việc mới, chức vụ mới kể từ ngày quyết định chuyển ngành có hiệu lực. Trường hợp tiền lương theo nhóm, ngạch, bậc được xếp thấp hơn tiền lương theo cấp bậc quân hàm của sĩ quan được hưởng tại thời điểm chuyển ngành thì được bảo lưu mức lương, phụ cấp thâm niên và đóng - hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành trong thời gian là 18 tháng, kể từ ngày quyết định chuyển ngành có hiệu lực và do cơ quan, đơn vị mới chi trả. Việc tiếp tục cho hưởng lương bảo lưu ngoài thời gian 18 tháng do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét, quyết định phù hợp với tương

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

quan tiền lương nội bộ. Trong thời gian hưởng bảo lưu, mức tiền lương chênh lệch bảo lưu giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được nâng lương hoặc được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung trong ngạch hoặc được nâng ngạch; trường hợp được nâng lương mà mức lương mới cao hơn mức lương tại thời điểm chuyển ngành thì được hưởng mức lương mới. Sau thời gian bảo lưu lương, tiếp tục được hưởng mức phụ cấp thâm niên tại thời điểm chuyển ngành hoặc được cộng nổi để tính hưởng phụ cấp thâm niên ở các ngành được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên;

đ)⁶ Sĩ quan đã chuyển ngành, đủ điều kiện hưởng lương hưu, nếu mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu để làm căn cứ tính lương hưu;

e)⁷ Sĩ quan đã chuyển ngành, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc thì ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định, được giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc do cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thôi việc chi trả; trong đó: cứ mỗi năm công tác trong Quân đội được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm thôi việc để làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc; thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trợ cấp thôi việc thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thôi việc;

g)⁸ Đối với các trường hợp chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, có thời gian công tác trong Quân đội được cấp có thẩm quyền xác định là chuẩn úy, khi nghỉ hưu thì hệ số lương làm cơ sở tính tiền lương bình quân làm căn cứ tính hưởng lương hưu đối với thời gian chuẩn úy được chuyển xếp là 3,90.

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁸ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2.⁹ Sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước sau đó chuyển ngành sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, khi nghỉ hưu, được cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên nghề theo thời gian công tác trong Quân đội và cấp bậc quân hàm tại thời điểm liền kề trước khi sĩ quan chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu khi tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian công tác theo chế độ tiền lương do nhà nước quy định để làm căn cứ tính lương hưu đối với sĩ quan.

3.¹⁰ Sĩ quan đã chuyển ngành nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền quyết định trở lại phục vụ trong Quân đội, được sắp xếp công việc mới phù hợp với nhu cầu, năng lực của sĩ quan; thời gian chuyển ngành công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước được tính vào thời gian công tác liên tục để xét nâng lương, thăng quân hàm và tính thâm niên công tác.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước¹¹

1. Được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi chuyển ngành, do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý sĩ quan trước khi chuyển ngành chi trả.

3. Sĩ quan đã chuyển ngành, đủ điều kiện hưởng lương hưu, được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành nhưng không được áp dụng cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan phục viên

1.¹² Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi phục

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

viên, ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có) còn được hưởng các chế độ như sau:

a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 03 tháng tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương.

2.¹³ Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được thực hiện chế độ chuyển ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số khoản tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, đồng thời phải hoàn trả khoản trợ cấp phục viên một lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên chỉ đạo thu hồi quyết định phục viên và các khoản trợ cấp nêu trên; ra quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển ngành; nộp các khoản trợ cấp đã thu vào ngân sách nhà nước và tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁴; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁵ xác nhận, thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó theo quy định.

3.¹⁶ Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà có nguyện vọng được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì phải hoàn trả khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên chỉ đạo thu hồi khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một

¹³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁴ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

lần nộp vào tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁷; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁸ xác nhận, thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó theo quy định. Khi đủ điều kiện hưởng lương hưu, không được áp dụng cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

4.¹⁹ Trường hợp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sau sáp nhập hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp giải thể giải quyết. Thời gian sĩ quan phục viên về địa phương không được tính là thời gian công tác tham gia bảo hiểm xã hội

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ theo chế độ bệnh binh

Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ nghỉ theo chế độ bệnh binh, được hưởng chế độ bệnh binh theo pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trần

1. Sĩ quan tại ngũ hy sinh thì thân nhân của sĩ quan được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của sĩ quan trước khi hy sinh.

2. Sĩ quan tại ngũ tử trần thì thân nhân của sĩ quan được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1 tháng tiền lương của sĩ quan trước khi tử trần.

Điều 8. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

1. Sĩ quan tại ngũ thuộc diện chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng theo quy định, được xếp lương theo diện bố trí mới phù

¹⁷ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁸ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

hợp với nhóm, ngành cán bộ được sắp xếp; trình độ học vấn, đào tạo; thời gian giữ cấp bậc quân hàm hoặc bậc lương hiện tại. Trường hợp hệ số mức lương mới được xếp thấp hơn hệ số mức lương sĩ quan tại thời điểm chuyển diện bố trí thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số mức lương của sĩ quan so với hệ số mức lương mới cho đến khi được nâng lương bằng hoặc cao hơn.

2.²⁰ Sĩ quan tại ngũ nếu có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, thì khi chuyển sang công chức quốc phòng được hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định này. Trường hợp, do yêu cầu của Quân đội, công chức quốc phòng lại chuyển sang sĩ quan thì khi thôi phục vụ tại ngũ, thời gian đã được tính trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi nêu trên không được tính lại. Sĩ quan tại ngũ chuyển sang công chức quốc phòng khi đủ điều kiện hưởng lương hưu, nếu mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển sang công chức quốc phòng thì được thực hiện cách tính lương hưu như đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

Điều 9. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, tử trần²¹

1. Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn, ngành nghề có tính chất đặc thù thì được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, tử trần. Cụ thể như sau:²²

a) Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 6 tháng;

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²¹ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²² Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

b)²³ Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt với mức 100% hoặc ngành nghề có tính chất đặc thù được xếp lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 4 tháng;

c)²⁴ Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên hoặc ngành nghề có tính chất đặc thù được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 2 tháng.

Trường hợp trong cùng một thời gian công tác sĩ quan có đủ 2 hoặc 3 điều kiện nêu trên thì được hưởng theo mức quy đổi cao nhất. Trường hợp thời gian công tác nêu trên không liên tục thì được cộng dồn để xác định tính tổng thời gian được hưởng chế độ.

2. Thời gian tăng thêm do quy đổi tại khoản 1 Điều này được tính hưởng trợ cấp một lần với mức cứ một năm được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương.

Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ²⁵

1. Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi hy sinh, tử nạn hoặc tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử nạn hoặc chuyển sang công chức quốc phòng (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được tòa án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử nạn, bao gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm hoặc phục viên, hy sinh, tử nạn là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ,

²³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã.

Thời gian công tác trong Quân đội để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với sĩ quan đã chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

b) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, từ trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm

Ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các quyền lợi của sĩ quan quy định tại Nghị định này sẽ bị cắt giảm hoặc hủy bỏ nếu hồ sơ bị làm sai lệch hoặc giả mạo để hưởng chế độ; quyền lợi được hưởng không đúng phải hoàn trả.

Trường hợp do sai lệch hồ sơ mà sĩ quan không được hưởng hoặc hưởng không đầy đủ thì được khôi phục quyền lợi theo quy định tại Nghị định này.

2. Ngoài biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành²⁶

²⁶ Điều 2 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.
2. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.
3. Chế độ phụ cấp thâm niên sau thời gian bảo lưu lương (18 tháng) đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này được thực hiện đến khi Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.
4. Các văn bản dẫn chiếu trong Nghị định này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu trong Nghị định này cũng được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.
5. Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2009 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.”.

Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.
2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ
 - a) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

c) Bãi bỏ, thay thế cụm từ sau:

Bãi bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Thay thế cụm từ “Cơ yếu cấp huyện” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác trong doanh trại tại Danh mục số 03 Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ “Phòng Mã dịch điện mật cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 13: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng Mã dịch điện mật tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm “Cơ yếu cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 14: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng điện báo tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

d) Thay thế một số cụm từ sau:

Thay thế cụm từ “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nội vụ” tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội địa phương” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảo hiểm xã hội khu vực)” tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. ”.

Các Điều 10, 11 và 12 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2009. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999.

3.²⁷ *(hết hiệu lực)*

Điều 14. Trách nhiệm thi hành²⁸

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan bảo đảm chế độ, chính sách đối với sĩ quan được thực hiện thống nhất, đồng bộ.

2. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Quốc phòng về việc chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện chế độ, chính sách chuyển xếp lương, miễn thi tuyển, thi tuyển công chức, viên chức và các chính sách khác đối với sĩ quan theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này.

3. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các chế độ quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này theo quy định của

2. Mức hưởng chế độ trợ cấp; thời gian, tiền lương làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này được áp dụng đối với các trường hợp hy sinh, tử trận hoặc có quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, chuyển ngành, thôi việc kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc đã tiếp nhận trước ngày 01 tháng 9 năm 2026 mà cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định về việc nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc thì mức hưởng chế độ, thời gian và tiền lương làm căn cứ để tính hưởng chế độ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

²⁷ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

²⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

pháp luật về ngân sách nhà nước; phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này./. *g*

BỘ QUỐC PHÒNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ ;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C79, C56, C85, C29;
- Cục KTVB&XLVPHC/Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐTBQP (để đăng tải);
- Lưu VT, NCTH.



Thượng tướng Nguyễn Văn Gầu



CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 02 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2 như sau:

“- Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền;”.

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Sĩ quan khi có quyết định nghỉ hưu, nếu đã được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương được 2/3 thời hạn trở lên và được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương (trừ trường hợp thăng quân hàm cấp tướng).”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:

“c) Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thi tuyển;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Sĩ quan được xếp và hưởng lương theo vị trí việc làm mới, công việc mới, chức vụ mới kể từ ngày quyết định chuyển ngành có hiệu lực. Trường hợp tiền lương theo nhóm, ngạch, bậc được xếp thấp hơn tiền lương theo cấp bậc quân hàm của sĩ quan được hưởng tại thời điểm chuyển ngành thì được bảo lưu mức lương, phụ cấp thâm niên và đóng - hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành trong thời gian là 18 tháng, kể từ ngày quyết định chuyển ngành có hiệu lực và do cơ quan, đơn vị mới chi trả. Việc tiếp tục cho hưởng lương bảo lưu ngoài thời gian 18 tháng do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét, quyết định phù hợp với tương quan tiền lương nội bộ. Trong thời gian hưởng bảo lưu, mức tiền lương chênh lệch bảo lưu giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được nâng lương hoặc được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung trong ngạch hoặc được nâng ngạch; trường hợp được nâng lương mà mức lương mới cao hơn mức lương tại thời điểm chuyển ngành thì được hưởng mức lương mới. Sau thời gian bảo lưu lương, tiếp tục được hưởng mức phụ cấp thâm niên tại thời điểm chuyển ngành hoặc được cộng nối để tính hưởng phụ cấp thâm niên ở các ngành được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Sĩ quan đã chuyển ngành, đủ điều kiện hưởng lương hưu, nếu mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu để làm căn cứ tính lương hưu;”.

d) Bổ sung điểm e, điểm g vào sau điểm đ khoản 1 như sau:

“e) Sĩ quan đã chuyển ngành, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc thì ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định, được giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc do cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thôi việc chi trả; trong đó: cứ mỗi năm công tác trong Quân đội được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm thôi việc để làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc; thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trợ cấp thôi việc thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thôi việc;

g) Đối với các trường hợp chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, có thời gian công tác trong Quân đội được cấp có thẩm quyền xác định là chuẩn úy, khi nghỉ hưu thì hệ số lương làm cơ sở tính tiền lương bình quân làm căn cứ tính hưởng lương hưu đối với thời gian chuẩn úy được chuyển xếp là 3,90.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước sau đó chuyển ngành sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, khi nghỉ hưu, được cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên nghề theo thời gian công tác trong Quân đội và cấp bậc quân hàm tại thời điểm liền kề trước khi sĩ quan chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu khi tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian công tác theo chế độ tiền lương do nhà nước quy định để làm căn cứ tính lương hưu đối với sĩ quan.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Sĩ quan đã chuyển ngành nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền quyết định trở lại phục vụ trong Quân đội, được sắp xếp công việc mới phù hợp với nhu cầu, năng lực của sĩ quan; thời gian chuyển ngành công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước được tính vào thời gian công tác liên tục để xét nâng lương, thăng quân hàm và tính thâm niên công tác.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi chuyển ngành, do cơ quan,

đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý sĩ quan trước khi chuyển ngành chi trả.

3. Sĩ quan đã chuyển ngành, đủ điều kiện hưởng lương hưu, được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành nhưng không được áp dụng cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

“a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ; được ưu tiên học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;”.

b) Sửa đổi khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được thực hiện chế độ chuyển ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số khoản tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, đồng thời phải hoàn trả khoản trợ cấp phục viên một lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên chỉ đạo thu hồi quyết định phục viên và các khoản trợ cấp nêu trên; ra quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển ngành; nộp các khoản trợ cấp đã thu vào ngân sách nhà nước và tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng xác nhận, thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó theo quy định.

3. Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà có nguyện vọng được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì phải hoàn trả khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên chỉ đạo thu hồi khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần nộp vào tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng xác nhận, thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó theo quy định. Khi đủ điều kiện hưởng lương hưu, không được áp dụng cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định tại

điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.”.

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sau sáp nhập hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp giải thể giải quyết. Thời gian sĩ quan phục viên về địa phương không được tính là thời gian công tác tham gia bảo hiểm xã hội.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Sĩ quan tại ngũ nếu có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, thì khi chuyển sang công chức quốc phòng được hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định này. Trường hợp, do yêu cầu của Quân đội, công chức quốc phòng lại chuyển sang sĩ quan thì khi thôi phục vụ tại ngũ, thời gian đã được tính trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi nêu trên không được tính lại. Sĩ quan tại ngũ chuyển sang công chức quốc phòng khi đủ điều kiện hưởng lương hưu, nếu mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển sang công chức quốc phòng thì được thực hiện cách tính lương hưu như đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung tên điều; đoạn mở đầu và một số điểm của khoản 1 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu khoản 1 như sau:

“Điều 9. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, từ trần

1. Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn, ngành nghề có tính chất đặc thù thì được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, từ trần. Cụ thể như sau:”.

b) Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 như sau:

“b) Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt với mức 100% hoặc ngành nghề có tính chất đặc thù được xếp lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 4 tháng;

c) Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên hoặc ngành nghề có tính chất đặc thù được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 2 tháng.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan bảo đảm chế độ, chính sách đối với sĩ quan được thực hiện thống nhất, đồng bộ.

2. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Quốc phòng về việc chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện chế độ, chính sách chuyển xếp lương, miễn thi tuyển, thi tuyển công chức, viên chức và các chính sách khác đối với sĩ quan theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này.

3. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các chế độ quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

3. Chế độ phụ cấp thâm niên sau thời gian bảo lưu lương (18 tháng) đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này được thực hiện đến khi Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

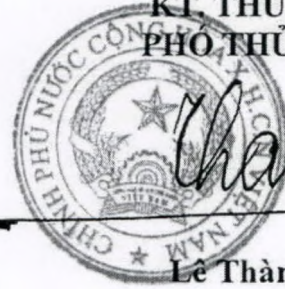
4. Các văn bản dẫn chiếu trong Nghị định này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu trong Nghị định này cũng được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2009 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Thành Long

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2009

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Số:.....
Ngày..... tháng..... năm.....
Kính chuyển:.....

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, nghỉ theo chế độ bệnh binh; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; quy định thời gian để hưởng chế độ trợ cấp một lần, quy định tại các Điều 34, 36 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 và các khoản 11, 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây gọi chung là Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam).

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu

1. Sĩ quan nghỉ hưu quy định tại Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần gồm:

- Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam mà quân đội không còn nhu cầu bố trí, sử dụng.

b) Chế độ trợ cấp một lần được hưởng gồm:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;

- Được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành

1. Sĩ quan chuyển ngành được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) được hưởng quyền lợi như sau:

a) Được ưu tiên bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ; được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết phù hợp với công việc đảm nhiệm;

b) Được miễn thi tuyển, nếu chuyển ngành về cơ quan, đơn vị cũ hoặc chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển khi thi tuyển công chức quy định đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước;

d) Được xếp lương phù hợp với công việc mới đảm nhiệm. Trường hợp hệ số lương mới thấp hơn hệ số lương sĩ quan đã được hưởng tại thời điểm chuyển ngành thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số lương sĩ quan với hệ số lương (theo công việc) mới trong thời gian tối thiểu là 18 tháng, kể từ khi quyết định chuyển ngành có hiệu lực và do cơ quan, đơn vị mới chi trả. Trong thời gian bảo lưu, nếu hệ số lương mới được xếp bằng hoặc cao hơn hệ số lương sĩ quan đã được hưởng trước khi chuyển ngành thì hưởng hệ số lương mới;

đ) Khi nghỉ hưu được thực hiện cách tính lương hưu theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân.

2. Sĩ quan chuyển ngành sang các cơ quan, đơn vị, hưởng lương từ ngân sách nhà nước sau đó chuyển sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, khi nghỉ hưu, tính lương hưu được cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên theo thời gian phục vụ tại ngũ của mức lương sĩ quan tại thời điểm chuyển ngành được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu.

3. Sĩ quan đã chuyển ngành do nhu cầu của quân đội, được cấp có thẩm quyền điều động trở lại phục vụ trong quân đội thì thời gian chuyển ngành được tính vào thời gian công tác liên tục để xét thăng cấp bậc quân hàm hoặc nâng lương và thâm niên công tác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Sĩ quan chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng trợ cấp phục viên một lần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này và chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; khi nghỉ hưu không được tính lương hưu theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan phục viên

1. Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu hoặc không chuyển ngành được thì phục viên về địa phương và được hưởng các quyền lợi như sau:

a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương tối thiểu chung theo quy định của Chính phủ; được ưu tiên học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương;

c) Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này thì được thực hiện chế độ chuyển ngành. Khi thực hiện chế độ chuyển ngành thì phải hoàn trả khoản trợ cấp phục viên một lần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận. Cơ quan, đơn vị quân đội ra quyết định chuyển ngành có trách nhiệm thu lại số tiền trợ cấp phục viên và trợ cấp bảo hiểm xã hội đã nhận.

3. Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, nếu muốn tính nối thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì phải hoàn trả quỹ bảo hiểm xã hội khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội đã nhận.

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ theo chế độ bệnh binh

Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ nghỉ theo chế độ bệnh binh, được hưởng chế độ bệnh binh theo pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trần

1. Sĩ quan tại ngũ hy sinh thì thân nhân của sĩ quan được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của sĩ quan trước khi hy sinh.

2. Sĩ quan tại ngũ tử trần thì thân nhân của sĩ quan được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của sĩ quan trước khi tử trần.

Điều 8. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

1. Sĩ quan tại ngũ thuộc diện chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng theo quy định, được xếp lương theo diện bố trí mới phù hợp với nhóm, ngành cán bộ được sắp xếp; trình độ học vấn, đào tạo; thời gian giữ cấp bậc quân hàm hoặc bậc lương hiện tại. Trường hợp hệ số mức lương mới được xếp thấp hơn hệ số mức lương sĩ quan tại thời điểm chuyển diện bố trí thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số mức lương của sĩ quan so với hệ số mức lương mới cho đến khi được nâng lương bằng hoặc cao hơn.

2. Sĩ quan tại ngũ chuyển sang công chức quốc phòng được hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 9 Nghị định này; khi nghỉ hưu được thực hiện cách tính lương hưu theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 9. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù khi thôi phục vụ tại ngũ

1. Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn, ngành nghề có tính chất đặc thù thì được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ. Cụ thể như sau:

a) Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 6 tháng;

b) Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt với mức 100% hoặc ngành nghề đặc thù quân sự được xếp lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 4 tháng;

c) Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên hoặc ngành nghề đặc thù quân sự được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 2 tháng.

Trường hợp trong cùng một thời gian công tác sĩ quan có đủ 2 hoặc 3 điều kiện nêu trên thì được hưởng theo mức quy đổi cao nhất. Trường hợp thời gian công tác nêu trên không liên tục thì được cộng dồn để xác định tính tổng thời gian được hưởng chế độ.

2. Thời gian tăng thêm do quy đổi tại khoản 1 Điều này được tính hưởng trợ cấp một lần với mức cứ một năm được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương.

Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương tháng để tính trợ cấp quy định tại Nghị định này bao gồm: tiền lương theo cấp bậc quân hàm; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Tiền lương tháng để tính các chế độ trợ cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này là tiền lương bình quân của 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu; tiền lương tháng để tính các chế độ trợ cấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5; Điều 7; khoản 2 Điều 9 Nghị định này được tính là tiền lương, phụ cấp hiện hưởng.

3. Thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần là tổng thời gian phục vụ trong quân đội và thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội trước khi vào phục vụ trong quân đội.

Khi tính hưởng chế độ nếu có tháng lẻ được tính như sau: dưới 3 tháng không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính bằng nửa (1/2) mức hưởng của một năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính bằng mức hưởng của một năm.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm

Ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các quyền lợi của sĩ quan quy định tại Nghị định này sẽ bị cắt giảm hoặc huỷ bỏ nếu hồ sơ bị làm sai lệch hoặc giả mạo để hưởng chế độ; quyền lợi được hưởng không đúng phải hoàn trả.

Trường hợp do sai lệch hồ sơ mà sĩ quan không được hưởng hoặc được hưởng không đầy đủ thì được khôi phục quyền lợi theo quy định tại Nghị định này.

2. Ngoài biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2009. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999.

3. Các chế độ, chính sách đối với sĩ quan quy định tại Nghị định này được áp dụng thực hiện đối với quân nhân chuyên nghiệp thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều kiện tính tuổi hưởng trợ cấp một lần đối với quân nhân chuyên nghiệp khi nghỉ hưu trước hạn tuổi được xác định tương ứng như sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm, nhưng hạn tuổi cao nhất thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 18/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về quân nhân chuyên nghiệp.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). 290

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 338/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13 và Luật số 52/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 21/2009/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 02 NĂM 2009 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN THÔI PHỤC VỤ TẠI NGŨ; SĨ QUAN TẠI NGŨ HY SINH, TỬ TRẦN; SĨ QUAN TẠI NGŨ CHUYỂN SANG QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP HOẶC CÔNG CHỨC QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2025/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM 2025, NGHỊ ĐỊNH SỐ 209/2025/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2

“2. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật, được quy định như sau:

a) Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ); sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí, sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

b) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

c) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu trước hạn tuổi được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

d) Ngoài chế độ được hưởng quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

Sĩ quan có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;

Sĩ quan có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5

“1. Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi phục viên, ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có) còn được hưởng các chế độ như sau:

a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 03 tháng tiền lương; được hỗ trợ đào tạo nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

“Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi hy sinh, tử trần hoặc tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được tòa án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần, bao gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm hoặc phục viên, hy sinh, tử trần là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã.

Thời gian công tác trong Quân đội để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với sĩ quan đã chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

b) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, từ trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 151/2016/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“Điều 2. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng chế độ

a) Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, thôi việc, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi hy sinh, từ trần hoặc tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được tòa án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần;

b) Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại điểm a khoản này bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; nhóm, ngạch, bậc đối với viên chức quốc phòng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần (do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất hoặc do phục viên, hy sinh, tử trần) là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã;

b) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, tử trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, được quy định như sau:

a) Quân nhân chuyên nghiệp thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ) mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí, sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

b) Quân nhân chuyên nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

c) Quân nhân chuyên nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

d) Ngoài chế độ quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, quân nhân chuyên nghiệp khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

Quân nhân chuyên nghiệp có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;

Quân nhân chuyên nghiệp có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên

Chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên theo điểm a, điểm c khoản 3 Điều 40 của Luật, được quy định như sau:

1. Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 03 tháng tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

2. Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương.

3. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thi tuyển.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

“2. Công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật thực hiện như đối với quân nhân chuyên nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.”.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 19/2022/NĐ-CP NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH BIỆN PHÁP THI HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG CHUYỂN NGÀNH, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 209/2025/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý công nhân và viên chức quốc phòng trước khi thôi việc chi trả.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp thôi việc quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, thôi việc hoặc tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm chuyển ngành, thôi việc (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được tòa án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm chuyển ngành, thôi việc, bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; nhóm, ngạch, bậc đối với viên chức quốc phòng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác trong Quân đội để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đã chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm

xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

b) Thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp một lần đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng khi chuyển ngành sang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và trợ cấp một lần đối với công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã;

c) Trường hợp thời gian công tác quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.
2. Mức hưởng chế độ trợ cấp; thời gian, tiền lương làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này được áp dụng đối với các trường hợp hy sinh, tử trận hoặc có quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, chuyển ngành, thôi việc kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc đã tiếp nhận trước ngày 01 tháng 9 năm 2026 mà cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định về việc nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc thì mức hưởng chế độ, thời gian và tiền lương làm căn cứ để tính hưởng chế độ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

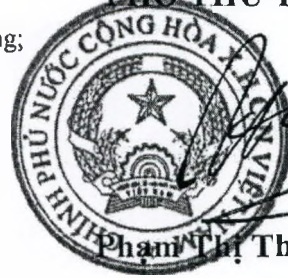
1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). **th**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 209/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc
phòng số 98/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý
một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị
định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2012/NĐ-CP
ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với
đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở
Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm
trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm d khoản 2 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ
theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ
báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối
với đối tượng là quân nhân, cơ yếu; công an cấp tỉnh đối với đối tượng là
công an”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ theo quy định (theo từng đợt), Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Chính trị/Bộ Tư

lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; công an cấp tỉnh hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp, báo cáo Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;”.

2. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, khoản, điểm sau:

a) Thay thế cụm từ “ngành Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “ngành Nội vụ” tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4.

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Công an” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân” tại điểm e khoản 2 Điều 6.

c) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 6.

d) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại khoản 1, khoản 2 Điều 8.

đ) Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại điểm a khoản 2 Điều 6.

e) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 6.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

“b) Đối với đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định này ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ:

Người được ủy quyền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người được ủy quyền thường trú;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ do người được ủy quyền chuyển đến. Theo từng đợt, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức hội nghị xét duyệt; hoàn thiện hồ sơ cho từng đối tượng có đủ điều kiện hưởng chế độ (mỗi đối tượng 01 bộ); lập biên bản hội nghị xét duyệt theo Mẫu số 5, công văn đề nghị theo Mẫu số 2, danh sách đối tượng theo Mẫu số 3C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ

ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đối tượng, làm công văn đề nghị theo Mẫu số 2, danh sách đối tượng theo Mẫu số 3C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ đối tượng (mỗi đối tượng 01 bộ), báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu qua Cục Chính trị quân khu.

Cục Chính trị quân khu, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký “Giấy chứng nhận” đối với các đối tượng; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ;

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo Cục Chính trị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký “Giấy chứng nhận” đối với các đối tượng; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.”.

2. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, từ sau:

a) Thay thế các cụm từ như sau:

Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 10, Mẫu số 3, Mẫu số 4 và Mẫu số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 9, Mẫu số 3A và Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 1 Điều 9.

Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch” tại khoản 5 Điều 10.

Thay thế cụm từ “Số CMTND (Hộ chiếu)” bằng cụm từ “CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu” tại Mẫu số 1A, 1B, 1C, 2A và 2B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

b) Bãi bỏ cụm từ, từ sau:

Bãi bỏ cụm từ “hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài” tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 6.

Bãi bỏ cụm từ “hoặc bản sao có chứng thực của Cơ quan đại diện ngoại

giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 6.

Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại Mẫu số 1A, 1B, 1C, 2A, 2B, 3, 3B, 3C và 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu số 1A, 1B, 2A và 2B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Bãi bỏ từ “huyện (quận)” tại Mẫu số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“b) Tiêu chuẩn cụ thể

Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, hạ sĩ quan dự bị đã giữ chức phó trung đội trưởng hoặc cán bộ tiểu đội và tương đương; tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, nếu thiếu, tuyển chọn đến tốt nghiệp trung học cơ sở, với người dân tộc thiểu số tuyển chọn trình độ học vấn lớp 7 trở lên; tuổi đời đối với quân nhân chuyên nghiệp không quá 35, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ và hạ sĩ quan dự bị không quá 30;

Cán bộ, công chức, viên chức; tuổi đời không quá 35; riêng đào tạo sĩ quan dự bị ngành y, dược, tuổi đời không quá 40; đào tạo sĩ quan dự bị chính trị phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

Công dân tốt nghiệp đại học trở lên, tuổi đời không quá 35; sinh viên khi tốt nghiệp đại học, tuổi đời không quá 32”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị đang lao động, làm việc hoặc thường trú tại địa phương, báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xét duyệt; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu thẩm định. Sau khi có kết quả, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 7

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã lập hồ sơ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị; cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm cung cấp hồ sơ”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Các học viện, nhà trường Quân đội được giao đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sĩ quan dự bị (hồ sơ gốc) trên cơ sở hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị, nội dung bổ sung, hoàn thiện gồm: Lý lịch sĩ quan dự bị, quyết định phong quân hàm sĩ quan dự bị, giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị và các giấy tờ khác có liên quan. Kết thúc khóa đào tạo, bàn giao hồ sơ về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi sĩ quan dự bị thường trú hoặc lao động, làm việc”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị

1. Đăng ký lần đầu

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này về nơi thường trú hoặc nơi lao động, làm việc (theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền) phải mang giấy giới thiệu và thẻ sĩ quan dự bị đăng ký trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức để thực hiện đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho các đối tượng nêu trên trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại nơi thường trú để đăng ký;

b) Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp danh sách sĩ quan dự bị đã đăng ký báo cáo về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi sĩ quan dự bị thường trú, lao động, làm việc để quản lý.

2. Đăng ký bổ sung

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị có sự thay đổi các yếu tố đã đăng ký, đăng ký trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức để đăng ký bổ sung. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho sĩ quan dự bị trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại nơi thường trú để đăng ký bổ sung;

b) Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp đăng ký bổ sung của sĩ quan dự bị báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

3. Đăng ký di chuyển

a) Sĩ quan dự bị trước khi di chuyển nơi thường trú hoặc nơi lao động, học tập, làm việc từ xã này sang xã khác phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã sở tại để làm thủ tục giới thiệu chuyển về Ban Chỉ huy quân sự nơi sẽ đến thường trú hoặc lao động, học tập, làm việc mới;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đến nơi thường trú hoặc lao động, học tập, làm việc mới, sĩ quan dự bị phải đăng ký trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi đến để đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đăng ký vắng mặt

a) Sĩ quan dự bị khi vắng mặt tại nơi thường trú hoặc nơi đang lao động, học tập, làm việc

Vắng mặt từ 30 ngày trở lên, sĩ quan dự bị phải báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc. Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, nếu có sĩ quan dự bị vắng mặt, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

Sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên vắng mặt từ 03 tháng trở lên, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải thông báo cho đơn vị nhận nguồn sĩ quan dự bị biết; khi có lệnh tổng động viên, hoặc động viên cục bộ, sĩ quan dự bị phải trở về ngay nơi thường trú hoặc nơi đang lao động, học tập, làm việc để sẵn sàng nhận nhiệm vụ;

b) Sĩ quan dự bị được cử đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài hoặc ra nước ngoài vì việc riêng phải báo cáo Ban chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc và nộp thẻ sĩ quan dự bị. Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc phải đến Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để đăng ký vắng mặt và nộp lại thẻ sĩ quan dự bị;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ở nước ngoài về đến nơi thường trú, hoặc nơi lao động, học tập, làm việc, sĩ quan dự bị phải thực hiện đăng ký bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều này;

5. Đăng ký riêng

a) Sĩ quan dự bị thuộc diện được miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 14/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định ngành, nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân đối với công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; công dân thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến và việc huấn luyện binh sĩ dự bị hạng hai; trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị nhận quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện nêu trên, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc thông báo bằng văn bản hoặc gửi trên môi trường điện tử cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh biết để đăng ký vào diện miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến;

b) Sĩ quan dự bị không còn giữ các chức vụ quy định tại điểm a Khoản này, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thôi giữ chức vụ thuộc diện được miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức thông báo bằng văn bản hoặc gửi trên môi trường điện tử cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi thường trú để đăng ký bổ sung”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, người đứng đầu, hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Quản lý hồ sơ gốc sĩ quan dự bị

a) Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Thiếu tá trở xuống;

b) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Trung tá trở xuống;

c) Các quân khu quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Trung tá;

d) Bộ Quốc phòng quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Thượng tá trở lên”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 13

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Lập kế hoạch khám, kiểm tra sức khỏe

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, căn cứ số lượng sĩ quan dự bị thường trú tại địa phương, chỉ tiêu tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị, phối hợp với cơ sở y tế cấp xã lập kế hoạch khám, kiểm tra sức khỏe cho sĩ quan dự bị đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt;

b) Các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các học viện, trường đại học có trụ sở trên địa bàn cấp xã, có trách nhiệm hiệp đồng với Ban Chỉ huy quân sự cấp xã sở tại trong việc khám, kiểm tra sức khỏe cho sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe

a) Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cấp xã khám sức khỏe cho người được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị; cơ sở y tế cấp xã kiểm tra đối với sĩ quan dự bị theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận khám, kiểm tra, phân loại sức khỏe;

b) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm gửi giấy và triệu tập sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị để khám, kiểm tra sức khỏe;

c) Sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị đến khám, kiểm tra sức khỏe phải xuất trình giấy triệu tập khám, kiểm tra sức khỏe của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc thẻ sĩ quan dự bị;”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 5 như sau:

“a) Sổ sức khỏe sĩ quan dự bị do cơ sở y tế cấp xã lập, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã quản lý; kết quả kiểm tra sức khỏe sĩ quan dự bị được ghi chép đầy đủ vào sổ sức khỏe của từng sĩ quan dự bị để quản lý;

b) Phiếu khám sức khỏe của đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị thực hiện theo mẫu phiếu khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, tuyển sinh quân sự do Hội đồng khám sức khỏe cấp xã lập; khi tổ chức khám sức khỏe xong, bàn giao cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị) hoặc bàn giao cho cơ sở giáo dục đại học (đối với sinh viên khi tốt nghiệp đại học) để hoàn thiện hồ sơ đào tạo sĩ quan dự bị.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Hằng năm, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh lập kế hoạch phúc tra sĩ quan dự bị hiện có tại địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; hiệp đồng với đơn vị dự bị động viên phúc tra sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên; chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban

Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu, hoặc người đại diện hợp pháp có trụ sở trên địa bàn tổ chức phúc tra sĩ quan dự bị chưa sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trở lên có cán bộ chuyên trách đảm nhiệm công tác sĩ quan dự bị”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Báo cáo định kỳ: Hằng quý, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm thống kê số lượng, chất lượng sĩ quan dự bị báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi thường trú trước ngày 15 của tháng cuối quý và hằng năm báo cáo trước ngày 15 tháng 12”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

“4. Khi kết thúc khóa huấn luyện, đơn vị tổ chức huấn luyện nhận xét, đánh giá từng sĩ quan dự bị, thông báo bằng văn bản cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Độ tuổi bổ nhiệm chức vụ lần đầu: Trung đội trưởng không quá 37, cán bộ đại đội không quá 42, cán bộ tiểu đoàn không quá 47, cán bộ trung đoàn không quá 52; những nơi thiếu nguồn có thể bổ nhiệm ở độ tuổi cao hơn nhưng không quá 02 tuổi so với độ tuổi nêu trên”.

13. Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 22

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Quy trình thực hiện

a) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh rà soát, lập danh sách những sĩ quan dự bị đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có nhu cầu sắp xếp, bổ nhiệm, thăng quân hàm hoặc không đủ tiêu chuẩn, điều kiện phải miễn nhiệm, thông báo cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang thường trú hoặc lao động, học tập, làm việc;

b) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nhận xét, đánh giá báo cáo cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp xem xét, cho ý kiến với từng sĩ quan dự bị, báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

c) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tổng hợp danh sách, trao đổi với đơn vị dự bị động viên, báo cáo đảng ủy cùng cấp xem xét quyết định những sĩ quan dự bị có cấp bậc, chức vụ thuộc thẩm quyền và đề nghị cấp trên xét duyệt, quyết định những sĩ quan dự bị có cấp bậc, chức vụ thuộc thẩm quyền cấp trên.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Khi có quyết định sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thăng quân hàm sĩ

quan dự bị, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc tổ chức trao quyết định cho sĩ quan dự bị và thông báo bằng văn bản cho đơn vị nhận nguồn sĩ quan dự bị.”.

14. Bãi bỏ Điều 20.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tổ chức thực hiện

Sau khi kết thúc đợt tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động, đơn vị trực tiếp huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động lập danh sách quân nhân dự bị; xác nhận số ngày tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động; mức trợ cấp gia đình quân nhân dự bị, gửi về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương nơi quân nhân dự bị được gọi tập trung để chi trả trợ cấp cho gia đình quân nhân dự bị.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

“b) Trường hợp giải quyết trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

Thân nhân đối tượng trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử hoặc gửi qua bưu chính giấy báo tử hoặc giấy chứng tử của đối tượng hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của tòa án đã có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp mất tích) cho đơn vị trực tiếp huấn luyện. Trường hợp đơn vị trực tiếp huấn luyện có đủ điều kiện khai thác, tra cứu một trong các thông tin (giấy tờ) nêu trên từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì thân nhân đối tượng không phải nộp một trong những giấy tờ trên cho đơn vị trực tiếp huấn luyện.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, đơn vị trực tiếp huấn luyện có trách nhiệm thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, quyết định hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và thông báo cho gia đình đối tượng đến nhận trực tiếp hoặc chuyển khoản.”.

3. Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 3 và khoản 8 Điều 7.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ

a) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28

tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

c) Bãi bỏ, thay thế cụm từ sau:

Bãi bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Thay thế cụm từ “Cơ yếu cấp huyện” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác trong doanh trại tại Danh mục số 03 Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ “Phòng Mã dịch điện mật cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 13: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng Mã dịch điện mật tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm “Cơ yếu cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 14: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng điện báo tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

d) Thay thế một số cụm từ sau:

Thay thế cụm từ “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nội vụ” tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội địa phương” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảo hiểm xã hội khu vực)” tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 70



Phạm Minh Chính